# Phụ lục 1

**DANH MỤC ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KH&CN QUỸ GEN CẤP QUỐC GIA THUỘC CHƯƠNG TRÌNH BẢO TỒN VÀ SỬ DỤNG BỀN VỮNG NGUỒN GEN ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

**XÉT GIAO TRỰC TIẾP**

*(Kèm theo Quyết định số* **2014** */QĐ-BKHCN ngày* ***15*** *tháng* ***7***  *năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

| **TT** | **Tên đề tài/****dự án SXTN** | **Định hướng****mục tiêu** | **Yêu cầu đối với kết quả\*** | **Phương thức****tổ chức****thực hiện** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | ***Dự án SXTN:*** Hoàn thiện qui trình công nghệ và sản xuất chế phẩm sinh học vi khuẩn *lactic* bản địa quy mô công nghiệp dùng trong chăn nuôi.  | Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất và sản xuất được chế phẩm sinh học từ nguồn gen vi khuẩn *lactic* bản địa phục vụ chăn nuôi an toàn sinh học, hạn chế sử dụng kháng sinh. | - Ít nhất 3 chủng giống vi khuẩn *lactic* bản địa đảm bảo cho sản xuất quy mô công nghiệp;- 03 chế phẩm sinh học (10 tấn/ 1 loại, mật độ ≥ 5 x 108 CFU/g, đạt hiệu quả kinh tế tăng 10% so với đối chứng, bảo quản ≥ 6 tháng ở nhiệt độ thường);- 500 tấn thức ăn chăn nuôi có bổ sung chế phẩm sinh học;- Quy trình nhân sinh khối vi khuẩn *lactic* bản địa quy mô 500 lít/mẻ;- Quy trình công nghệ sản xuất 03 chế phẩm sinh học (quy mô 2 tấn/ mẻ);- Hồ sơ đăng ký lưu hành chế phẩm sinh học được cơ quan thẩm quyền phê duyệt phục vụ chăn nuôi;- Báo cáo đánh giá hiệu quả mô hình nuôi lợn sử dụng chế phẩm sinh học.  | Xét giao trực tiếp Công ty Cổ phần Nam Việt |  |
| 2. | ***Dự án SXTN:*** Hoàn thiện quy trình chọn lọc, chăn nuôi lợn Táp Ná | Hoàn thiện được quy trình chọn lọc, chăn nuôi để nâng cao năng suất lợn Táp Ná. | - 01 quy trình chọn lọc lợn Táp Ná (80 nái và 8 đực giống), năng suất sinh sản ≥15 con cai sữa/nái/năm;- 01 quy trình chăn nuôi lợn Táp Ná sinh sản;- 01 quy trình chăn nuôi lợn Táp Ná thương phẩm;* - 02 mô hình chăn nuôi lợn sinh sản 50 nái/mô hình, năng suất sinh sản ≥14,5 con cai sữa/nái/năm;

- 04 mô hình chăn nuôi lợn thương phẩm (100 con/mô hình), khối lượng 8 tháng tuổi ≥ 65 kg, tiêu tốn thức ăn ≤ 4 kg/kg tăng khối lượng. | Xét giao trực tiếp cho Viện Chăn nuôi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |  |